

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 118**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 118

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 118 CONSTRUCTION INVESTMENT AND ADVISE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110251687

**3. Ngày thành lập:** 15/02/2023

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 46, ngách 8/11/36/105 đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977.522.080

Fax:

Email: [tuvanxd118@gmail.com](mailto:tuvanxd118@gmail.com)

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 2.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Giám sát công tác xây dựng công trình;<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình;- Khảo sát xây dựng<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựngThiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp);<br>Thiết kế cấp - thoát nước công trình;<br>Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ;<br>Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải);<br>Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn;<br>Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều; | 7110(Chính) |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212        |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299        |
| 9.  | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LẠI QUANG<br>VINH | Số nhà 46, ngách<br>8/11/36/105<br>đường Lê Quang<br>Đạo, Phường Phú<br>Đô, Quận Nam<br>Tư Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 275.000       | 2.750.000.000            | 55,000       | 0360760000<br>79                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 275.000       | 2.750.000.000            | 55,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN VĂN<br>TIỀN  | Cửa Câu Trại, Xã<br>Trung Lương,<br>Huyện Bình Lục,<br>Tỉnh Hà Nam,<br>Việt Nam                                                   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       | 0350910023<br>14                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                                              |                           |         |               |        |                  |
|---|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | TRẦN THỊ HOA | Số nhà 46, ngách 8/11/36/105 đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 125.000 | 1.250.000.000 | 25,000 | 0371800000<br>54 |
|   |              |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                                              | Tổng số                   | 125.000 | 1.250.000.000 | 25,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LẠI QUANG VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/12/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036076000079

Ngày cấp: 19/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 46, ngách 8/11/36/105 đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 46, ngách 8/11/36/105 đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội